

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-PT
Ngày 19 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Quang C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2019/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quang C** (tên gọi khác: Út M), sinh năm 1972 tại C, Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Trần Thị Q, sinh năm 1942; có vợ tên Trịnh Thúy L, sinh năm 1975 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết T1** (tên gọi khác: Nguyễn Tuyết T1, X), sinh năm 1989 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1962; có chồng tên Hồng Văn K, sinh năm 1983 và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

3. Họ và tên: **Đái Thanh T2**, sinh năm 1975 tại Đ, Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn

hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đái Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có chồng tên Phạm Hoàng H, sinh năm 1973; có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

4. Họ và tên: **Lê L**, sinh năm 1986 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1962; có chồng tên Trần Văn M, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2014; tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 33/2013/HSST ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử bị cáo Lê L về tội “Đánh bạc” phạt 10.0000.000 đồng chưa xóa án tích; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

5. Họ và tên: **Lê T** (tên gọi khác: Em B), sinh năm 1991 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1962; có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993; có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

6. Họ và tên: **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1963 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuân T (đã chết) và bà Võ Thị B (đã chết); có chồng tên Văn K, sinh năm 1974; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

7. Họ và tên: **Lê Thị B** (tên gọi khác: N), sinh năm 1968 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có chồng tên Hồ Văn S, sinh năm 1960; có 03 người con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

8. Họ và tên: **Võ Thị H** (tên gọi khác: Thúy K), sinh năm 1974 tại C, Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1948 và bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1950; có chồng tên Đoàn Văn T (đã chết); có 02 người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đái Thanh T: Ông Trịnh Thanh Nhân là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).*

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị B:* Ông Trần Văn Vững là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra còn có 04 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 07/11/2018 Công an huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu phối hợp cùng với Công an thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải bắt quả tang tại nhà Lê Quang C thuộc ấp L, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có các đối tượng đánh bài thắng thua bằng tiền gồm có: Nguyễn H1, Lê T, Trần Thị Y, Dương Ngọc H2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Thanh T3, Lê Thị B, Nguyễn Thị P, Võ Thùy T4, Võ Thị T5, Lê L, Lê Thị Huỳnh N, Phan Hồng C2. Trong lúc bắt quả tang có thu giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 24.782.000 đồng và 45 bộ bài tây (trong đó có 05 bộ bài tây đã qua sử dụng, 40 bộ bài tây chưa qua sử dụng);

- Thu giữ trong phòng ngủ nơi bắt quả tang số tiền 9.480.000 đồng; 01 túi sách tay bằng da màu đen có hoa văn màu trắng đã qua sử dụng, bên trong có 01 tờ giấy tập học sinh hiệu Thành Đạt ghi chữ Dương Ngọc Hận Agribank 7207205012773 và 01 đôi giấy tập hiệu QT BOOK trên mặt giấy có ghi nhiều chữ số nghi là phơi số đề; 01 chiếu bằng lát; 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen, bàn phím màu trắng, sim số 0943300242;

- Thu giữ trong người của Lê T số tiền 560.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu oppo màu đen, sim số 0939408178;

- Thu giữ trong người của Trần Thị Y 01 điện thoại di động hiệu oppo màu đen, sim số 0948428227;

- Thu giữ trong người của Nguyễn Thị Tuyết T1 số tiền 113.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, sim số 0949490666;

- Thu giữ trong người của Dương Ngọc H2 số tiền 311.000 đồng;

- Thu giữ trong người của Lê Quang C số tiền 1.685.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, sim số 0943328111;

- Thu giữ trong người của Đái Thanh T2 số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, sim số 01682478009;

- Thu giữ trong người của Lê Thị Huỳnh N số tiền 1.195.000 đồng;

- Thu giữ trong người của Võ Thùy T4 01 điện thoại di động hiệu oppo màu hồng, sim số 0947845020;

Quá trình điều tra xác định: Từ khoảng cuối tháng 10 năm 2018 cho đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo Lê Quang C đã nhiều lần cho nhiều người khác mượn nhà ở thuộc quyền sở hữu và quản lý của mình để sử dụng làm nơi đánh bạc thắng thua bằng tiền và có thu tiền xâu từ các con bạc với hình thức: Mỗi tụ tay em thắng liên tiếp hai ván bài thì lấy xâu 10.000 đồng, riêng nhà cái thay đổi hoặc kết thúc sòng bạc nếu thắng thì xâu từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, trung bình mỗi ngày thu tiền xâu được khoảng từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, tiền xâu được bỏ vào trong cái ca nhựa màu xanh để tại chiếu bạc do bị cáo C chuẩn bị, đồng thời bị cáo C cung cấp các bộ bài tây để cho các con bạc chơi, trong ngày bắt quả tang tiền xâu các con bạc bỏ trong ca nhựa 30.000 đồng bị thu tại chiếu bạc. Khi bị bắt quả tang bị cáo Phan Hồng C2 đang làm nhà cái, bị cáo Đái Thanh T2 đặt một tụ, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1 đặt một tụ, bị cáo Võ Thị Bé B1 đặt một tụ và bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 đặt một tụ. Những người ké thanh gồm có: Bị cáo Võ Thị H, bị cáo Lê L ké thanh vào tụ bài của bị cáo Bé B1 (bị cáo H2 cũng có vài lần cầm bài và binh bài); các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị B và Dương Ngọc H2 ké thanh vào tụ bài của bị cáo Trinh (trước đó bị cáo H2 ngồi đặt tụ chính, bị cáo T1 ké thanh); bị cáo Lê T tham gia cùng tụ bài của (vợ) bị cáo T4. Hình thức đánh bạc là sử dụng bộ bài tây 52 lá, chơi bài binh ẩn độ, cụ thể mỗi tụ bài được chia 06 lá bài và chia ra làm 02 phé, mỗi phé 03 lá bài (quy ước nút lớn dần từ 01 nút bài đến 09 nút bài), 10 nút là bù (tức là không có nút), 03 lá tây là lớn nhất. Cứ thế mà tính việc thắng hay thua từng người tham gia chơi trong mỗi ván bài. Nhà cái trực tiếp chia bài, kiểm tra bài của các tụ còn lại, đối chiếu và thắng thua trực tiếp với các tụ tay em, người chơi đặt tiền bằng lời nói hoặc trực tiếp tại chiếu bạc, thắng thì nhà cái gom tiền, còn thua thì đếm tiền người tham gia đã đặt cược để trả. Trung bình mỗi ván bài từng người trực tiếp cầm bài đặt cược từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng, mỗi người ké thanh đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Mỗi tụ đặt cược thấp nhất là 100.000 đồng và cao nhất là 900.000 đồng.

Số tiền mà các bị cáo tự khai nhận đã mang theo và dùng vào việc đánh bạc, kết quả thắng thua như sau:

- Bị cáo Phan Hồng C2 mang theo số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo là người làm nhà cái cho đến khi Công an bắt quả tang, chưa thắng thua và số tiền 1.500.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

- Bị cáo Võ Thị Bé B1 mang theo số tiền 1.300.000 đồng dùng vào việc đánh bài, kết quả thua số tiền 700.000 đồng, còn 600.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 mang theo số tiền 1.022.000 đồng để đánh bài, kết quả thua bài 1.000.000 đồng, khi bị bắt quả tang đã bị tạm giữ số tiền 222.000 đồng tại chiếu bạc, (trong đó 200.000 đồng là của bị cáo T đưa cho bị cáo T3 để trả tiền thua bài).

- Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1 ở tại chiếu bạc có mượn số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo P để đánh bài, kết quả thua 1.200.000 đồng, còn 800.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

- Bị cáo Đái Thanh T2 mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bài, kết quả chưa thắng thua. Tại ván bài cuối bị cáo đang đặt cược 100.000 đồng, ván bài chưa có kết quả thì lực lượng Công an bắt quả tang.

- Bị cáo Lê L mang theo số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua 500.000 đồng, còn 200.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

- Bị cáo Lê T mang theo số tiền 760.000 đồng, tham gia hai ván bài cuối tại tụ bài của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, kết quả thua cả hai ván bài, ván đầu bị cáo T3 trả tiền cho nhà cái, ván thứ hai bị cáo T3 hết tiền nên bị cáo T đưa 200.000 đồng để trả thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Thị P mang theo số tiền 2.400.000 đồng, tại chiếu bạc bị cáo Phú đã cho bị cáo T1 mượn số tiền 2.000.000 đồng, còn lại số tiền 400.000 đồng dùng để đánh bài, kết quả thua bài hết số tiền trên.

- Bị cáo Lê Thị B mang theo số tiền 350.000 đồng để đánh bài. Kết quả thua bài số tiền 100.000 đồng. Tại ván bài cuối bị cáo Biên đang đặt cược tại chiếu bạc số tiền 50.000 đồng, còn 200.000 đồng đang cầm trên tay thì lực lượng Công an bắt quả tang và bị thu giữ.

- Bị cáo Võ Thị H mang theo số tiền 230.000 đồng dùng để đánh bài, kết quả chưa thắng thua. Tại ván bài cuối bị cáo Hạnh đang đặt cược với số tiền 50.000 đồng, còn 180.000 đồng cầm trên tay thì lực lượng Công an bắt quả tang và bị thu giữ.

- Bị cáo Dương Ngọc H2 mang theo số tiền 211.000 đồng để đánh bài, kết quả thắng 100.000 đồng và bị thu giữ.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo tự khai nhận mang theo dùng vào việc đánh bạc là chưa khai báo chính xác vì số tiền thực tế thu giữ tại chiếu bạc là 24.782.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Quang C phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Lê L, Lê T, Nguyễn Thị Tuyết T1, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Võ Thị H, Nguyễn Thị Thanh T3, Võ Thị Bé B1, Dương Ngọc H2 và Phan Hồng C1 phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 35, 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Quang C 02 (hai) năm tù. Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê L 01 (một) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1; Đái Thanh T2; Nguyễn Thị P; Lê Thị B; Võ Thị H mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính kể từ ngày các bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Hồng C2 08 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/11/2019). Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Võ Thị Bé B1, Nguyễn Thị Thanh T3 và Dương Ngọc H2 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/11/2019). Giao các bị cáo Võ Thị Bé B1, Nguyễn Thị Thanh T3, Dương Ngọc H2 và Phan Hồng C1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2019, bị cáo Đái Thanh T2 kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 08/11/2019 bị cáo Lê L kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 11/11/2019, bị cáo Võ Thị H kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 12/11/2019, các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1 và Nguyễn Thị P kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 13/11/2019, bị cáo Lê T kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 14/11/2019, bị cáo Lê Thị B kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 19/11/2019 bị cáo Lê Quang C kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Quang Cg, Võ Thị H, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị P, Lê Thị B bổ sung kháng cáo xin giảm án, các bị cáo khác giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Lê T trình bày bị cáo không có tham gia đánh bạc mà chỉ đến để cho vợ bị cáo 200.000 đồng đánh bạc và bị cáo tích cực hợp tác nên xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1 trình bày bị cáo chỉ ké thanh chứ không ngồi tụ chính, yêu cầu xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, không có bị cáo nào trình bày ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nội dung kháng cáo, kháng nghị. Xét thấy bị cáo B, H tham gia ké thanh nên mức độ nguy hiểm ít hơn các bị cáo ngồi tụ chính nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tính giáo dục, răn đe. Đối với các bị cáo C, T2, T1, L, T, P xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên có mức án phù hợp do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Bên cạnh đó, khi vận dụng pháp luật áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (phạt tù), Điều 35 Bộ luật Hình sự (phạt tiền) đều quy định hình phạt chính, để tuyên hình phạt đối với bị cáo Lê Quang C là không chính xác, trái quy định tại khoản 3 Điều 32 Bộ luật Hình sự; đồng thời tuyên xử lý vật chứng giao cho Công an huyện Đông Hải tiếp tục giải quyết gồm: 01 cái túi xách bằng da màu đen có hoa văn màu trắng và 01 điện thoại di

động hiệu Itel màu đen, bàn phím màu trắng, sim số 0943300242 (máy không hoạt động được) lý do tài sản không có liên quan đến hành vi phạm tội, không tìm được chủ sở hữu, là không có căn cứ. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm d, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần án sơ thẩm số: 44/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo hướng cho các bị cáo H, B được hưởng án treo, không áp dụng Điều 35 đối với bị cáo Lê Quang C; tịch thu tiêu hủy đối với 01 cái túi xách bằng da màu đen có hoa văn màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen, bàn phím màu trắng, sim số 0943300242 (máy không hoạt động được).

Người bào chữa cho bị cáo Đái Thanh T2 trình bày: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị P và Lê Thị B trình bày: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị cho bị cáo Lê Thị B được hưởng án treo. Ngoài ra, đối với bị cáo Nguyễn Thị P án sơ thẩm xử phạt các bị cáo 09 tháng tù là có phần nghiêm khắc vì bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, chấp hành tốt các chính sách pháp luật và bị cáo không có ngôi tự mà chỉ ké thanh, bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cuộc sống ổn định, có hoàn cảnh rất khó khăn. Hành vi của bị cáo đến nay không còn nguy hiểm cho xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Nguyễn Thị P được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 07/11/2018, Công an huyện Đông Hải bắt quả tang bị cáo Lê Quang C có hành vi dùng nhà ở của mình cho các bị cáo Phan Hồng C1, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Võ Thị Bé B1, Nguyễn Thị Thanh T3, Võ Thị H, Lê L, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Dương Ngọc H2, Lê T đánh bài thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Khi bắt quả tang bị cáo Phan Hồng C1 đang làm nhà cái các bị cáo còn lại gồm Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Võ Thị Bé B1, Nguyễn Thị Thanh T3, Võ Thị H, Lê L, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Dương Ngọc H2, Lê T tham gia đặt tự và ké thanh. Số tiền thu được tại chiều bạc là 24.782.000 đồng, ngoài ra số tiền bị cáo Dương Ngọc H2 sẽ dùng vào việc đánh bạc là 311.000 đồng, bị cáo Đái Thanh T2 500.000 đồng. Như vậy các bị cáo cùng chịu trách nhiệm về hành vi đánh bạc với tổng số tiền 25.593.000 đồng là có xảy ra trên thực tế.

[2] Hành vi tạo điều kiện, chứa chấp người khác đánh bạc nhằm thu tiền xâu của bị cáo Lê Quang C thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” được

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 25.593.000 đồng vào ngày 07/11/2018 do các bị cáo Phan Hồng C1, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Võ Thị Bé B1, Nguyễn Thị Thanh T3, Võ Thị H, Lê L, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Dương Ngọc H2, Lê T thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang C, Võ Thị H, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Đái Thanh T2, và kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Võ Thị H, Lê L, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Lê T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi tạo điều kiện, chứa chấp việc đánh bạc của bị cáo Lê Quang C và hành vi đánh bạc trái phép nhằm thắng, thua bằng tiền của các bị cáo T2, T1, H, L, P, B, T là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội mà còn là một trong những nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, là một trong những tệ nạn xã hội cần được bài trừ, nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang C, Võ Thị H, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Đái Thanh T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng các bị cáo H, P, B, T2 có tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang C 02 năm tù, bị cáo Đái Thanh T2 09 tháng tù, các bị cáo Võ Thị H, Lê Thị B, Nguyễn Thị P mỗi bị cáo 09 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định và sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3.2] Đối với kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Võ Thị H, Lê L, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Lê T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò, mức độ khác nhau nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho tương xứng. Đối với bị cáo Lê Quang C xét về tính chất, mức độ thì hành vi tạo điều kiện, chứa chấp người khác đánh bạc nhằm thu tiền của bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đủ điều kiện được hưởng án treo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo T1, tại phiên tòa không thừa nhận ngồi tù chính nhưng qua điều tra chứng minh được bị cáo ngồi tù chính tham gia trực tiếp thắng, thua cùng với L, T2, riêng bị cáo T ngồi tham gia cùng tù với vợ bị cáo là bị cáo T3 nên mức độ, hành vi phạm tội nặng hơn các bị cáo kế thành

như các bị cáo B, P, H, nên đối với các bị cáo T1, L, T, Thảo cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tính giáo dục, cải tạo cũng như để răn đe, phòng ngừa chung nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Đối với các bị cáo P, H, B chỉ tham gia ké thanh nên mức độ hành vi phạm tội nhẹ hơn các bị cáo khác, các bị cáo P, H, B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa thành khẩn khai báo, có địa chỉ rõ ràng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo P, H, B.

[4] Bên cạnh đó, khi vận dụng pháp luật áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (phạt tù), Điều 35 Bộ luật Hình sự (phạt tiền) đều quy định hình phạt chính, để tuyên hình phạt đối với bị cáo Lê Quang C là không chính xác, trái quy định tại khoản 3 Điều 32 Bộ luật Hình sự nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp. Ngoài ra, về xử lý vật chứng đối với 01 túi xách bằng da màu đen có hoa văn màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu IteL màu đen, bàn phím màu trắng, sim số 0943300242 (máy không còn hoạt động được), cấp sơ thẩm giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra quản lý tiếp tục quản lý là không phù hợp gây khó khăn trong việc xử lý vật chứng, mặc dù vật chứng không liên quan đến việc phạm tội và không tìm được chủ sở hữu. Tuy nhiên, các tài sản trên đã không còn giá trị sử dụng và đã có thông báo tìm chủ sở hữu theo quy định pháp luật nhưng không có ai đến nhận thì cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Như đã phân tích, không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đái Thanh T2, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị B, về việc cho các bị cáo hưởng án treo, không chấp nhận đề nghị giảm án đối với các bị cáo. Đối với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng, mức hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị không áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Riêng đối với đề nghị về mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị P là chưa phù hợp do bị cáo chỉ tham gia với vai trò ké thanh như các bị cáo Hạnh, Biên; số tiền tham gia (400.000đ) không chênh lệch nhiều so với 02 bị cáo trên trong khi Viện kiểm sát đề nghị cho 02 bị cáo H, B loại hình phạt có điều kiện, để đảm bảo sự công bằng của pháp luật cần cho bị cáo P hưởng án treo như 02 bị cáo H, B nên không chấp nhận loại hình phạt của bị cáo P theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: các bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Lê L, Lê T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị Tuyết T1, Lê L, Lê T.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T, Võ Thị H, Nguyễn Thị P, Lê Thị B.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Võ Thị H.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quang C phạm tội “Gá bạc”.
2. Tuyên bố các bị cáo Lê L, Lê T, Nguyễn Thị Tuyết T1, Đái Thanh T2, Nguyễn Thị P, Lê Thị B, Võ Thị H phạm tội “Đánh bạc”.
3. Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quang C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000 đồng.
4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.
5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T, Đái Thanh T, mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.
6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.
7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P; Lê Thị B; Võ Thị H mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị B cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Võ Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

8. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 24.782.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; số tiền đánh bạc 311.000 đồng của bị cáo Dương Ngọc H2 và số tiền 500.000 đồng của bị cáo Đái Thanh T2; số tiền 560.000 đồng của bị cáo Lê T.

Giao trả lại cho: Bà Trịnh Thúy L1 số tiền 9.480.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết T1 số tiền 113.000 đồng, em Lê Thị Huỳnh N số tiền 1.195.000 đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.685.000 đồng của bị cáo Lê Quang C để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu và tiêu hủy đối với: 45 bộ bài tây (trong đó có 05 bộ bài tây đã qua sử dụng, 40 bộ bài tây chưa qua sử dụng); 01 chiếc bằng lái; 01 cái ca nhựa màu xanh; 01 túi xách bằng da màu đen có hoa văn màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen, bàn phím màu trắng, sim số 0943300242.

9. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Quang C, Đái Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết T, Lê L, Lê T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

10. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2019/HS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Văn Mỹ

Cao Văn Tám

Lê Thanh Danh